

Số: 20/NQ-HĐND8

*Bình Dương, ngày 09 tháng 12 năm 2013*

**NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bình Dương  
đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG  
KHOÁ VIII - KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể kinh tế- xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 05 năm 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 3582/QĐ-BCT ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp Vùng Đông Nam bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Bình Dương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3453/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 42/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 (*kèm theo phụ lục*).

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân,

các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa VIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2013 và có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH-HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chuyên viên VP: Đoàn ĐBQH-HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Thị Kim Vân**

## **Phụ lục**

# **NỘI DUNG CHỦ YẾU VỀ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH DƯƠNG ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 20 /NQ-HĐND8 ngày 09 tháng 12 năm 2013  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)*

## **I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN**

Công nghiệp tiếp tục phát triển với tốc độ cao, cơ cấu kinh tế của tỉnh vẫn là công nghiệp – dịch vụ và nông nghiệp; trong đó, công nghiệp và dịch vụ có tỷ trọng tương đương nhau.

Phát triển công nghiệp theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu, trên cơ sở sản xuất ra nhiều sản phẩm và tăng tỷ lệ nội địa hóa. Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp sử dụng ít lao động và nguyên, nhiên liệu.

Công nghiệp phát triển bền vững, chú trọng nâng cao chất lượng tăng trưởng; công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao; công nghiệp hỗ trợ. Xây dựng công nghiệp đạt trình độ tiên tiến và hiện đại, nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Phát triển công nghiệp trên cơ sở phát huy tổng hợp các nguồn lực của các thành phần kinh tế, trong đó động lực phát triển là khu vực dân doanh và đầu tư nước ngoài, xem thu hút đầu tư nước ngoài là nguồn lực quan trọng để phát triển công nghiệp. Phát triển hạ tầng để tiếp tục thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và doanh nghiệp trong nước tạo động lực thúc đẩy các ngành khác phát triển.

Phát triển công nghiệp theo vùng, lãnh thổ một cách hợp lý. Hướng các doanh nghiệp đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch. Phát triển công nghiệp ở khu vực phía Nam theo hướng đầu tư chiều sâu, tăng trưởng về chất. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp vùng phía Bắc, gắn phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Vận động chuyển đổi công năng của một số khu công nghiệp ở phía Nam lên phía Bắc để phát triển đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, làm cơ sở phát triển mạnh các ngành dịch vụ của tỉnh.

Phát triển công nghiệp phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các ngành kinh tế của tỉnh; phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của vùng và cả nước; đồng thời gắn với quá trình đô thị hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Phát triển công nghiệp chú trọng bảo vệ môi trường gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh quốc gia và giải quyết các vấn đề xã hội.

## **II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

### **1. Mục tiêu chung**

Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị gia tăng công nghiệp:

- Giai đoạn 2011 - 2015: 8,6%.

- Giai đoạn 2016 - 2020: 10,0%.

Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất công nghiệp:

- Giai đoạn 2011 - 2015: 18,0%.

- Giai đoạn 2016 - 2020: 16,1%.

Tốc độ tăng trưởng bình quân kim ngạch xuất khẩu:

- Giai đoạn 2011 - 2015: 21,0%.

- Giai đoạn 2016 - 2020: 23,5%.

Tỷ trọng công nghiệp trong GDP đến năm 2015 chiếm 54,3% và đến năm 2020 chiếm 46,3%.

Định hướng đến năm 2025, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 – 2025: giá trị gia tăng công nghiệp 12,0%, giá trị sản xuất công nghiệp 7,5% - 8,5%, kim ngạch xuất khẩu 22,0%. Đến năm 2025, tỷ trọng công nghiệp trong GDP của tỉnh chiếm 49,0%.

## 2. Mục tiêu tăng trưởng và cơ cấu các nhóm ngành

Nhóm ngành công nghiệp	Tốc độ tăng trưởng (%)		Cơ cấu nội bộ ngành (%)	
	2011-2015	2016-2020	2011-2015	2016-2020
Cơ khí, điện tử và sản xuất kim loại	23,3	20,2	35,5	42,2
- Cơ khí	35,0	30,0	8,1	14,3
- Điện, điện tử	25,0	22,9	13,6	18,0
- Sản xuất kim loại	17,3	8,5	13,7	9,8
Hóa chất, dược, cao su	16,0	15,0	13,4	12,8
Khai thác và chế biến khoáng sản	16,0	11,0	0,7	0,6
Chế biến nông sản, thực phẩm	19,0	14,2	20,4	18,8
Chế biến gỗ	13,5	12,0	16,3	13,6
Sản xuất vật liệu xây dựng	12,0	11,5	2,4	2,0
Dệt may, da giày	13,5	13,5	10,3	9,2

## 3. Quy hoạch khu công nghiệp

Đến năm 2020, Bình Dương có 31 khu công nghiệp với tổng diện tích 11.463,11 ha.

Phát triển các khu công nghiệp theo hướng nhanh và bền vững; chú trọng thu hút đầu tư các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng và hàm lượng công nghệ cao, phát triển công nghiệp sạch để tăng giá trị sản phẩm và bảo vệ môi trường; đổi mới

công nghệ hiện đại, tiên tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp để tăng sức cạnh tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Tập trung hoàn chỉnh thủ tục hồ sơ 03 khu công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung quy hoạch. Tỷ lệ lấp kín đất công nghiệp được phép cho thuê đến năm 2020 đạt bình quân 70-75%. Sau năm 2020 sẽ xem xét đề nghị Chính phủ điều chỉnh, bổ sung các khu công nghiệp còn lại trong Đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các khu công nghiệp của tỉnh.

Giai đoạn 2021-2025 dự kiến xây dựng 02 khu công nghiệp công nghệ cao trong khu công nghiệp An Tây với diện tích 100-150 ha và Khu Liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương với diện tích khoảng 300 ha. Các khu công nghệ cao này nằm trong lòng đô thị gắn với nghiên cứu phát triển khoa học-kỹ thuật, dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao. Lựa chọn thu hút và phân kỳ đầu tư các ngành công nghiệp công nghệ cao vào 02 khu công nghiệp này căn cứ trên Kế hoạch phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 11/6/2011.

#### **4. Quy hoạch cụm công nghiệp**

Đến năm 2020, Bình Dương có 13 cụm công nghiệp với diện tích 908,74 ha. Định hướng đến năm 2025, Bình Dương có 15 cụm công nghiệp với diện tích 1.008,74 ha.

Các ngành nghề dự kiến khuyến khích phát triển trong cụm công nghiệp gồm: Sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ cao cấp; sản xuất, chế biến nông sản thực phẩm; đa ngành nghề, đặc biệt là các ngành công nghiệp hỗ trợ.

*- Từ nay đến năm 2015:*

Đảm bảo 8/8 cụm công nghiệp có quyết định thành lập hoàn thiện kết cấu hạ tầng, có nhà máy xử lý nước thải tập trung đi vào hoạt động. Phần đầu tỷ lệ lấp đầy bình quân 04 cụm công nghiệp còn lại đạt trên 60%; các cơ sở sản xuất trong cụm công nghiệp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc có cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật.

Diện tích đất cho phát triển cụm công nghiệp lũy kế là 790,50 ha.

Thành lập mới 03 cụm công nghiệp, nâng số lượng cụm công nghiệp đến năm 2015 là 11 cụm công nghiệp.

*- Giai đoạn 2016-2020:*

Diện tích đất cho phát triển cụm công nghiệp lũy kế là 908,74 ha.

Thành lập mới 02 cụm công nghiệp, nâng số lượng cụm công nghiệp toàn tỉnh là 13 cụm công nghiệp.

Đảm bảo 100% cụm công nghiệp có quyết định thành lập từ năm 2012 trở về trước đạt tỷ lệ lấp đầy 100% diện tích đất công nghiệp.

*- Giai đoạn 2021-2025:*

Diện tích đất cho phát triển cụm công nghiệp lũy kế đạt 1.008,74 ha.

Thành lập mới 02 cụm công nghiệp, nâng số lượng cụm công nghiệp toàn tỉnh là 15 cụm công nghiệp.

Đến năm 2025, đảm bảo các cụm công nghiệp thành lập đến năm 2020 đạt tỷ lệ lấp đầy 100% diện tích đất công nghiệp.

### III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

#### 1. Chuyển dịch cơ cấu

Tiếp tục thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa; thân thiện với môi trường, tiêu tốn năng lượng thấp, không thâm dụng lao động, nhằm từng bước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Xây dựng công nghiệp đạt trình độ tiên tiến và hiện đại, sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường trong nước cũng như nước ngoài. Đến năm 2020, Bình Dương phấn đấu trở thành trung tâm công nghiệp lớn, tầm quốc gia và khu vực.

Tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp truyền thống, có lợi thế về nguồn nguyên liệu, nguồn nhân lực theo hướng tăng tỷ trọng những mặt hàng tinh chế như: chế biến nông lâm sản, thực phẩm... Đẩy mạnh các ngành công nghiệp hỗ trợ.

#### 2. Ngành công nghiệp trọng điểm và sản phẩm công nghiệp chủ lực

Ngành công nghiệp trọng điểm ưu tiên phát triển trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, định hướng đến năm 2025:

TT	Ngành công nghiệp	Đến 2015	2016-2020	2021-2025
1	Cơ khí (chế tạo và chính xác)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
2	Điện tử	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
3	Hóa chất			
	- Hóa dược-dược phẩm - Các sản phẩm từ cao su thiên nhiên	<input checked="" type="checkbox"/> <input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/> <input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/> 
4	Công nghiệp hỗ trợ	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
5	Chế biến nông sản, thực phẩm	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
6	Sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Sản phẩm công nghiệp chủ lực ưu tiên phát triển trong giai đoạn từ nay đến 2020, định hướng đến năm 2025:

- Sản phẩm Điện - Điện tử.
- Các sản phẩm Cơ khí chính xác.
- Các sản phẩm Hóa dược.

#### 3. Định hướng phát triển các ngành công nghiệp

##### a) Ngành cơ khí, điện tử và sản xuất kim loại:

- *Ngành cơ khí:* Trọng tâm phát triển bao gồm: sản xuất các máy móc và thiết bị chuyên dùng hoàn thiện, phục vụ các ngành công nghiệp chế biến gỗ giấy, chế

biển nông sản, lương thực thực phẩm, chế biến cao su, dược phẩm...; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ cho ngành nông nghiệp, xây dựng; sản xuất các cụm chi tiết, phụ tùng, linh kiện cho ngành sản xuất ô tô nhằm nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và giảm nhập khẩu; sản xuất xe máy, xe đạp, các sản phẩm cơ khí tiêu dùng cao cấp; đóng mới toa xe, sửa chữa ô tô và các phương tiện vận tải khác. Phát triển công nghiệp hỗ trợ cho ngành cơ khí để thúc đẩy sản xuất máy móc, thiết bị toàn bộ phát triển. Phát triển mảng sản xuất cơ khí cho công nghiệp hỗ trợ của các ngành công nghiệp khác như: dệt may-da giày, chế biến gỗ giấy, sản xuất điện, điện tử.

- *Ngành điện và điện tử*: Tiếp tục đẩy mạnh lắp ráp và sản xuất các linh kiện điện tử, điện tử chuyên dùng, sản phẩm điện tử gia dụng. Gắn kết phát triển sản xuất công nghiệp điện tử với các sản xuất cơ điện tử, cơ khí chính xác để phát triển các sản phẩm kết hợp như: máy móc gia công cơ khí chính xác; máy móc sử dụng công nghệ cao cho các ngành công nghiệp. Nghiên cứu phát triển công nghiệp hỗ trợ cho các ngành như: chế tạo khuôn mẫu, đúc, ép nhựa, đột dập kim loại, xử lý bề mặt (son, mạ...) phục vụ cho quá trình sản xuất phụ tùng linh kiện công nghiệp điện tử.

- *Ngành sản xuất kim loại*: Khuyến khích đầu tư đổi mới thiết bị và sử dụng công nghệ hiện đại cho sản xuất kim loại để tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài với nguồn lực lớn, có công nghệ hiện đại đầu tư vào sản xuất thép trên địa bàn. Phát triển sản xuất các loại thép chất lượng cao, đúc chính xác để sản xuất thép và phôi thép cung cấp cho ngành chế tạo máy, giảm tỷ lệ nhập khẩu.

#### ***b) Ngành hoá chất - dược - cao su:***

Việc phát triển sản phẩm của ngành cần có sự chọn lọc để giảm thiểu khả năng gây ô nhiễm trên địa bàn, gia tăng giá trị sản phẩm và nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội. Ngành đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn dài, công nghệ phức tạp như: sản xuất nguyên liệu nhựa, hóa tinh khiết, hóa dược liệu, các sản phẩm cao su, nhựa kỹ thuật cao cấp... cần ưu tiên thu hút đầu tư từ phía khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Tập trung nguồn lực, đầu tư phát triển một số chuyên ngành hóa chất trọng điểm: sản xuất dược liệu và bào chế thuốc, sản phẩm chất dẻo và đồ nhựa cao cấp, sản phẩm cao su và một số chất giặt rửa, mỹ phẩm.

#### ***c) Ngành khai thác và chế biến khoáng sản:***

Phát triển ngành khai thác khoáng sản đáp ứng nhu cầu cho các ngành chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn. Khai thác và chế biến khoáng sản với quy mô hợp lý, theo hướng tiết kiệm, hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường sinh thái, có sự kiểm soát chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước. Chú trọng công tác điều tra cơ bản, xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản để làm căn cứ quản lý, xây dựng kế hoạch đầu tư khai thác và chế biến có hiệu quả.

#### ***d) Ngành chế biến nông sản thực phẩm:***

Phát triển theo hướng chế biến sâu, ưu tiên đầu tư phát triển các cơ sở chế biến tập trung với quy mô lớn, có thiết bị và công nghệ hiện đại, sản xuất các sản

phẩm có giá trị gia tăng cao theo hướng tiêu dùng và xuất khẩu. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chế biến có quy mô nhỏ và vừa đổi mới công nghệ và thiết bị, liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trên địa bàn, với các doanh nghiệp lớn trong vùng hoặc trên cả nước để mở rộng sản xuất, mở rộng thị trường và cùng đầu tư vùng nguyên liệu.

***d) Ngành chế biến gỗ:***

Đa dạng các loại mẫu mã, xây dựng thương hiệu về đồ gỗ của Bình Dương trên thị trường thế giới. Hướng sản xuất các sản phẩm cao cấp cho xuất khẩu tại chỗ và thị trường nội địa nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng. Đầu tư công nghệ trang thiết bị mới hiện đại để sản xuất các loại gỗ công nghiệp cao cấp cho sản xuất đồ gỗ xuất khẩu để giảm tỷ lệ sử dụng gỗ nguyên liệu. Đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ cho ngành chế biến và sản xuất sản phẩm gỗ như: sản xuất sơ chế gỗ đầu vào, cung cấp các nguyên phụ liệu cho sản xuất gỗ, giảm nhập khẩu.

***e) Ngành sản xuất vật liệu xây dựng:***

Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng với quy mô hợp lý, có kỹ thuật và công nghệ sản xuất tiên tiến, đa dạng hóa sản phẩm, đạt tiêu chuẩn chất lượng khu vực và quốc tế để nâng cao năng suất lao động và đem lại hiệu quả kinh tế cao. Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất gạch không nung theo công nghệ tiên tiến từ các nguyên liệu như xi măng, đá mặt, cát. Khuyến khích đầu tư và phát triển các loại vật liệu xây dựng cao cấp như: sứ vệ sinh, gạch ốp lát, kính xây dựng và một số sản phẩm mới khác để cung cấp cho các tỉnh thành trong nước và xuất khẩu. Đáp ứng cơ bản nhu cầu đối với các chủng loại vật liệu thông thường như: vật liệu xây, vật liệu lợp, đá xây dựng, bê tông các loại, sứ vệ sinh, gốm sứ dân dụng và gốm sứ kỹ thuật... và một số loại vật liệu trang trí hoàn thiện khác.

***g) Ngành dệt may - da giày:***

Phát triển hướng vào xuất khẩu, đồng thời đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường nội địa. Tổ chức sản xuất và nâng cao công nghệ nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm và giảm dần tỷ lệ gia công. Tập trung sản xuất những sản phẩm có đặc thù riêng. Khuyến khích phát triển các dự án sản xuất nguyên, phụ liệu và công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho ngành dệt may-da giày, từng bước tăng tỷ lệ nội địa hóa và khắc phục tình trạng phụ thuộc nguyên, phụ liệu nhập khẩu. Đầu tư chiều sâu, nâng cao năng suất lao động, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm. Quan tâm việc đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

***h) Ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện - nước:***

Phát triển đồng bộ nguồn, lưới và hệ thống phụ tải theo hướng cải tạo, nâng cấp tiết điện; nối lưới điện trực chính và xây dựng mới các tuyến đường dây và trạm biến áp; đảm bảo đủ nhu cầu phụ tải hiện tại và tương lai của phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

Đầu tư mở rộng các nhà máy nước để đảm bảo sản xuất và sinh hoạt nhân dân, đáp ứng nhu cầu mở rộng đô thị và phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn các địa phương trong tỉnh.



#### **4. Định hướng phát triển theo vùng, lãnh thổ**

Vùng phía Nam gồm: thị xã Thuận An và Dĩ An. Công nghiệp vùng sẽ phát triển theo hướng hạn chế phát triển theo chiều rộng, giảm dần tỷ lệ gia công, đầu tư phát triển công nghiệp theo chiều sâu trên cơ sở đổi mới công nghệ, hiện đại hóa các dây chuyền sản xuất, tập trung vào các sản phẩm công nghiệp có hiệu quả kinh tế và giá trị xuất khẩu lớn. Ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động hoặc gây ảnh hưởng nhiều đến môi trường như: ngành dệt may-da giày, gia công kim loại (mạ), vật liệu xây dựng... sẽ có xu hướng hạn chế đầu tư và có sự chuyển dịch dần ra các khu vực phía Bắc của tỉnh.

Vùng trung tâm gồm: thành phố Thủ Dầu Một, Nam Tân Uyên, Nam Bến Cát. Các ngành công nghiệp đang phát triển mạnh và có chỗ đứng trong thị trường sẽ tiếp tục phát triển gồm: chế biến nông sản (cao su, điều nhân, tiêu...); chế biến thực phẩm (nước giải khát, hoa quả...); công nghiệp sản xuất cơ khí, điện tử; công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm dệt may-da giày, chế biến gỗ, vật liệu xây dựng cao cấp... Ngành, sản phẩm sẽ phát triển mạnh trong thời gian tới là: sản phẩm máy móc công nghiệp, phụ tùng cơ khí, linh kiện xe; sản xuất tấm lợp, cao su các loại; điện, điện tử; vật liệu xây dựng (tấm vách trần, vách ngăn)...

Vùng phía Bắc gồm: Dầu Tiếng, Phú Giáo, Bắc Tân Uyên và Bắc Bến Cát. Công nghiệp vùng trong thời gian tới tiếp tục phát triển gắn với việc phát triển và hình thành các vùng chuyên canh trồng cây công nghiệp tập trung, cây ăn quả và chăn nuôi gia súc, gia cầm... tạo nguồn nguyên liệu cho các cơ sở chế biến. Ngành, sản phẩm công nghiệp sẽ được ưu tiên phát triển là: công nghiệp cơ khí (chuyên dùng, cơ khí gia công, sản xuất phụ tùng, linh kiện, cụm chi tiết, cơ khí sửa chữa...); sản phẩm công nghệ thông tin, dây dẫn linh kiện, phụ tùng điện, điện tử; công nghiệp hóa chất; dệt may; sản xuất vật liệu xây dựng - gốm sứ; khai thác khoáng sản; chế biến nông, lâm sản, thực phẩm...

#### **5. Định hướng phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ**

Định hướng phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 2751/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Các ngành, sản phẩm công nghiệp đã được lựa chọn để khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ là: dệt may - da giày, cơ khí, điện tử - tin học, chế biến gỗ.

Phấn đấu trở thành trung tâm công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may, da giày của cả nước. Hình thành và phát triển các trung tâm nguyên phụ liệu cho ngành dệt may, da giày. Kết hợp song song giữa sản xuất nguyên phụ liệu ngành dệt may, da giày với phát triển dịch vụ cung cấp nguyên liệu ngành.

Trở thành địa phương có thế mạnh về công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí. Hình thành các doanh nghiệp lớn có khả năng cung cấp sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho ngành cơ khí với quy mô lớn. Hình thành khu công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất động cơ ô tô; phát triển khu, cụm công nghiệp hỗ trợ công nghiệp cơ khí.

Phấn đấu trở thành địa phương có thế mạnh về sản xuất linh kiện điện, điện tử. Gắn kết với phân công lao động và hợp tác quốc tế trong chuỗi giá trị sản xuất

ngành điện, điện tử toàn cầu. Hình thành các doanh nghiệp đi đầu trong sản xuất linh kiện điện tử, có khả năng cung ứng cho các ngành công nghiệp trên địa bàn.

Phát triển công nghiệp hỗ trợ để phục vụ cho ngành chế biến và sản xuất đồ gỗ đang phát triển trên địa bàn, tiến tới phục vụ cho nhu cầu của ngành chế biến gỗ cả nước.

Công nghiệp hỗ trợ cho ngành công nghệ cao của Bình Dương được xây dựng căn cứ theo Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

#### **IV. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ**

1. Giai đoạn 2011 - 2015: 130.000 tỷ đồng.
2. Giai đoạn 2016 - 2020: 260.000 tỷ đồng.

#### **V. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

##### **1. Phát triển dịch vụ hỗ trợ cho lĩnh vực công nghiệp**

Tập trung phát triển một số loại hình dịch vụ hỗ trợ cho lĩnh vực công nghiệp theo Chương trình số 21-CTr/TU ngày 20/7/2011 của Tỉnh ủy Bình Dương về Phát triển dịch vụ chất lượng cao giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn đến năm 2020. Trong đó, tập trung đẩy mạnh đầu tư phát triển một số ngành dịch vụ quan trọng để phục vụ phát triển công nghiệp như: dịch vụ logistics (theo Kế hoạch số 3905/KH-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh), dịch vụ công quản lý nhà nước về đầu tư và quản lý sản xuất kinh doanh, dịch vụ tài chính, thuế quan, ngân hàng, viễn thông, mạng lưới vận tải, nhà ở, thương mại, dịch vụ hỗ trợ kinh doanh và dịch vụ công nghệ cao. Đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

##### **2. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực**

Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 theo Chương trình số 19-CTr/TU của Tỉnh ủy; Kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động công vụ, công chức tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013-2015 theo Quyết định số 1935/QĐ-UBND ngày 12/8/2013.

Tăng cường việc liên kết đào tạo nghề với các cơ sở đào tạo của Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương có thế mạnh. Tập trung đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công nhân kỹ thuật, lao động có trình độ cho ngành công nghiệp chủ lực mà Bình Dương có nhu cầu như: công nghiệp cơ khí chế tạo, điện tử - tin học, công nghiệp hóa dược và các ngành nghề đòi hỏi kỹ thuật công nghệ cơ bản,...

Tranh thủ các nguồn tài trợ của nước ngoài về vốn, chuyên gia kỹ thuật để đào tạo thợ bậc cao, đặc biệt là nguồn lực từ các doanh nghiệp, công ty mẹ, công ty khách hàng. Kêu gọi doanh nghiệp đầu tư xây dựng một số trường đào tạo công nhân có trình độ cao. Khuyến khích các doanh nghiệp tổ chức đào tạo lao động tại chỗ, đặc biệt là lao động kỹ thuật cao cung cấp đủ cho phát triển sản xuất công nghiệp.

##### **3. Giải pháp về đổi mới công nghệ**

Triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động của Tỉnh ủy về Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh.

Tiến hành lập Đề án điều tra trình độ công nghệ đối với các ngành hàng sản xuất công nghiệp chủ lực trên địa bàn. Lập ngân hàng dữ liệu thông tin về công nghệ để hỗ trợ, cung cấp thông tin, tư vấn doanh nghiệp trong việc tìm kiếm thị trường công nghệ, lựa chọn công nghệ phù hợp để doanh nghiệp đưa ra quyết định đầu tư, đổi mới sản xuất và hỗ trợ đàm phán các hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Gắn kết giữa doanh nghiệp với các Trường Đại học, Viện nghiên cứu trong cả nước để triển khai ứng dụng khoa học kỹ thuật và đáp ứng nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp và chú trọng việc xây dựng thị trường khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Ưu tiên các dự án đầu tư sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch thân thiện môi trường. Xây dựng cơ chế đặc biệt thu hút các nhà đầu tư, tranh thủ các kênh chuyển giao, hợp tác khoa học công nghệ, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) để nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ. Xây dựng thương hiệu và phát triển sản phẩm công nghệ cao. Hình thành một số ngành, sản phẩm, doanh nghiệp công nghệ cao.

Nghiên cứu và bổ sung cơ chế hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư đổi mới công nghệ. Tiếp tục thực hiện chủ trương khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý tiêu chuẩn quốc tế: ISO, HACCP, TQM, BVQI, tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội SA 8000..., thực hiện đăng ký bảo hộ thương hiệu, nhãn mác sản phẩm và quyền sở hữu công nghiệp phục vụ phát triển hội nhập.

Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghiệp tiếp cận và đổi mới công nghệ, từng bước thay thế dần các công nghệ, thiết bị lạc hậu bằng các công nghệ mới và thiết bị hiện đại. Đối với các doanh nghiệp có khó khăn về nguồn vốn đầu tư nên thực hiện việc đầu tư đổi mới công nghệ theo phương thức: hiện đại hóa từng phần, từng công đoạn trong dây chuyền sản xuất, đặc biệt các công đoạn có tính quyết định đến chất lượng sản phẩm.

Mở rộng hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, đa dạng hóa các loại hình hợp tác để tranh thủ tối đa sự chuyển giao công nghệ hiện đại từ đối tác nước ngoài cho phát triển công nghiệp.

#### **4. Xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật**

- *Hệ thống giao thông đường bộ*: Xây dựng chương trình đầu tư cụ thể nhằm nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các tuyến giao thông quan trọng từ nay đến năm 2025, bao gồm các tuyến đường kết nối, đường giao thông trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo Quy hoạch giao thông của tỉnh. Nhanh chóng đầu tư phát triển và hoàn thiện các tuyến đường kết nối Bình Dương với các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- *Hệ thống cung cấp điện*: Thực hiện tốt công tác dự báo nhu cầu phụ tải điện để kịp thời có kế hoạch xây dựng trạm và đường dây phù hợp với việc phát triển sản xuất công nghiệp và dịch vụ tại địa phương. Ngành điện cần đầu tư nâng cấp,

mở rộng đồng bộ lưới điện nhằm không ngừng nâng cao chất lượng cung ứng điện, đảm bảo điện áp, hạn chế đến mức tối thiểu sự cố kỹ thuật. Từng bước tách lưới điện sinh hoạt và lưới điện phục vụ sản xuất công nghiệp.

- *Hệ thống cấp nước*: Thực hiện tốt quy hoạch cấp nước của tỉnh trong giai đoạn đến 2020, tầm nhìn 2025. Lập kế hoạch cụ thể, bố trí vốn và tiến độ thực hiện các dự án cấp nước phục vụ cho các khu, cụm công nghiệp một cách đồng bộ với tiến độ đi vào hoạt động của các khu, cụm công nghiệp.

- *Dịch vụ viễn thông*: Đảm bảo hạ tầng viễn thông đáp ứng được nhu cầu phát triển công nghiệp cả tỉnh. Chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng truyền tải băng thông rộng, internet tốc độ cao. Phát triển việc ứng dụng công nghệ thương mại điện tử.

- *Dịch vụ vận tải*: Song song với việc phát triển các khu dân cư ở gần các khu, cụm công nghiệp tập trung, cần phát triển đồng bộ hệ thống giao thông công cộng phục vụ nhu cầu đi lại làm việc của lao động công nghiệp. Đây cũng là một bước cải thiện điều kiện hạ tầng để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp. Phát triển hệ thống dịch vụ đại lý vận tải biển gắn liền với dịch vụ bến cảng sông của tỉnh hỗ trợ cho các doanh nghiệp sản xuất và xuất nhập khẩu.

- *Dịch vụ nhà ở*: Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư nhà ở xã hội để giải quyết nhu cầu nhà ở cho công nhân ở khu, cụm công nghiệp theo Chương trình số 27-Ctr/TU ngày 20/9/2011 của Tỉnh ủy Bình Dương.

## **5. Đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư**

Công tác xúc tiến đầu tư cần được đầu tư và đổi mới cả về hình thức và nội dung. Đây là một giải pháp quan trọng và có chọn lọc để thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế nhằm phát triển công nghiệp bền vững. Công tác xúc tiến đầu tư theo hướng cung cấp những thông tin giúp cho doanh nghiệp thấy được những lợi ích từ môi trường đầu tư của tỉnh.

## **6. Về phát triển thị trường và sản phẩm**

Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hoạt động xúc tiến thương mại, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong việc hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường nội địa và xuất khẩu. Tích cực tìm kiếm thị trường thông qua các tổ chức ngoại giao tham tán thương mại, đẩy mạnh và mở rộng các hoạt động hợp tác kinh tế quốc tế của tỉnh.

Xây dựng cơ chế, chính sách thực hiện giải pháp có tính chất liên ngành, liên vùng nhất là giảm thiểu chi phí đầu vào, phát triển vùng nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp. Đồng thời phát triển nguồn nhân lực cho chuyển dịch cơ cấu sản phẩm công nghiệp.

Đẩy mạnh hoạt động, tăng cường mối liên kết của các Hiệp hội ngành hàng để các doanh nghiệp cùng ngành sản xuất có điều kiện thống nhất tiếng nói chung, liên kết sức mạnh trong nỗ lực bảo vệ và phát triển thị trường trong và ngoài nước.

Tạo mọi điều kiện để nâng cao khả năng tiếp thị của các doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm công nghiệp. Tổ chức hội nghị, hội thảo về chiến lược kinh doanh, phát triển thị trường, hội chợ quốc tế các sản phẩm công nghiệp làm cầu nối

cho doanh nghiệp hợp tác phát triển kinh doanh và mở rộng thị trường. Thực hiện có hiệu quả lộ trình thương mại điện tử đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Các doanh nghiệp triển khai thực hiện các biện pháp giảm chi phí về nguyên liệu, vật liệu, năng lượng; tổ chức sản xuất và tổ chức lao động nhằm giảm chi phí nhân công và chi phí quản lý doanh nghiệp để hạ giá thành sản phẩm tạo sức cạnh tranh; mở rộng thị trường và tiêu thụ sản phẩm ngành công nghiệp.

## **7. Giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ**

Vận dụng chính sách hỗ trợ của Trung ương trong thu hút đầu tư các ngành công nghiệp hỗ trợ đã được ban hành, tạo sức hấp dẫn hơn nữa đối với môi trường đầu tư vào công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; trong đó khuyến khích ưu đãi các dự án có quy mô lớn, công nghệ hiện đại thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ.

Xây dựng chính sách ưu đãi trong hỗ trợ đổi mới công nghệ máy móc thiết bị thông qua chính sách hỗ trợ lãi suất được quy định tại Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ.

Tổ chức và vận động doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm các mặt hàng công nghiệp hỗ trợ trên quy mô cả nước và quốc tế; phát triển thương hiệu doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Bình Dương.

Lập ngân hàng dữ liệu, thống kê các nhà sản xuất công nghiệp hỗ trợ nhằm thông tin cho doanh nghiệp nơi cung cấp nguyên phụ liệu, linh kiện, thiết bị nội địa hóa trong nước thông qua các Trang thông tin Điện tử của Bộ, ngành, địa phương... để tạo cầu nối, liên kết các doanh nghiệp đầu tư trong và ngoài nước.

## **8. Giải pháp phát triển vùng nguyên liệu**

Cần có quy hoạch các vùng nguyên liệu nông, lâm sản gắn với các nhà máy chế biến. Hướng dẫn nông dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, kỹ thuật thu hái, sơ chế, bảo quản sau thu hoạch để nâng cao chất lượng nguyên liệu và hiệu quả sản xuất.

Có chính sách tạo mối liên hệ giữa doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp, chủ trang trại, nông dân và nhà máy chế biến nhằm tiêu thụ sản phẩm của nông dân sản xuất ra gắn với Chương trình số 26-CTr/TU của Tỉnh ủy Bình Dương về chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp kỹ thuật cao gắn với công nghiệp chế biến giai đoạn 2011-2015.

## **9. Bảo vệ môi trường**

Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015 và những năm tiếp theo; Chương trình hành động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương.

Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp. Các khu, cụm công nghiệp phải được xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng và hệ thống xử lý nước thải trước khi thu hút bố trí dự án.

Thiết kế, đầu tư xây dựng hệ thống quản lý, quan trắc, cảnh báo về ô nhiễm môi trường. Tăng cường nhân lực và cơ sở vật chất cho công tác quản lý môi trường của tỉnh. Hỗ trợ và tạo điều kiện thành lập các tổ chức ứng cứu sự cố môi trường, phòng chống cháy nổ,...

Thông qua Quỹ Bảo vệ môi trường của tỉnh và chính sách hỗ trợ lãi vay giúp cho các dự án vay vốn đầu tư hệ thống xử lý ô nhiễm của các doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ sắp xếp, di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường nằm trong khu dân cư, đô thị vào các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch.

## **10. Cải cách thủ tục hành chính**

Các thủ tục sau giấy phép đầu tư cần được cải cách theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch và giảm phiền hà, rút ngắn thời gian cho doanh nghiệp.

Hoàn thiện việc áp dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ; đảm bảo sự liên thông giữa các sở, ngành và địa phương trong cung cấp dịch vụ công thông qua hệ thống thông tin điện tử.

Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án 30 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Hoàn thiện các thủ tục hành chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoàn thiện thủ tục hải quan. Các thủ tục và quy trình thông quan phải thống nhất, đơn giản, minh bạch, phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế nhằm đạt được kết quả và giảm bớt phiền hà, thời gian cho doanh nghiệp. Hiện đại hóa và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của ngành hải quan.

Hoàn thiện thủ tục về thuế. Đẩy mạnh việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính thuế ở tất cả các khâu trong quy trình hoạt động của ngành thuế tạo điều kiện cho đối tượng nộp thuế. Tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của ngành thuế. Xây dựng cơ sở dữ liệu về các đối tượng nộp thuế. Tăng cường công tác đối thoại với doanh nghiệp thông qua nhiều hình thức thích hợp.

## **11. Giải pháp về vốn**

Đẩy mạnh thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài. Tăng cường huy động các nguồn vốn trong nước thông qua các hình thức thu hút đầu tư trực tiếp, hợp tác, liên kết, liên doanh của các tập đoàn, các công ty lớn, các ngành và các thành phố lớn trong cả nước...

Sử dụng các công cụ huy động vốn mới trên thị trường tài chính, thị trường chứng khoán và thị trường tiền tệ như phát hành trái phiếu, tín phiếu với sự đảm bảo bằng ngân sách của tỉnh, của Chính phủ cho các công trình trọng điểm trên địa bàn. Áp dụng việc đầu tư trực tiếp từ các tổ chức ngân hàng, bảo hiểm trong và ngoài nước... vào công nghiệp như một thành viên góp vốn.

Sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả thông qua việc tập trung đầu tư có trọng điểm những dự án lớn để nhanh chóng đưa vào hoạt động./.